TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/HS-ST
Ngày 25-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
2. Bà Vũ Thị Tình.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Văn Th, sinh năm 1976 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Phạm Thị O; có vợ là Hoàng Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17/9/2024 đến ngày 23/9/2024 được cho tại ngoại; có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Chu Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
2. Chị Chu Thị T, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
3. Chị Trương Thị Y, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
4. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Y, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết một số người dân có nhu cầu vay tiền dùng vào mục đích cá nhân cần thủ tục đơn giản, có tiền sử dụng ngay mà không muốn làm thủ tục vay ngân hàng hay các tổ chức tín dụng, Đỗ Văn Th làm nghề lao động tự do, không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính nhưng vì mục đích thu lợi bất chính nên Th đã nảy sinh ý định cho một số người vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, nhằm thu lợi bất chính. Khi người vay có nhu cầu vay tiền, Th và người vay thỏa thuận tiền lãi 01 tháng tính tròn 30 ngày, không tính tháng đủ hay thiếu, khi đến hạn đóng lãi thì người vay đóng lãi cho Th, có thể đóng trước hoặc sau ngày đến hạn, người vay sẽ đóng lãi đến khi trả được tiền gốc. Trong trường hợp người vay trả tiền gốc trước hạn vẫn phải chịu lãi suất đủ 01 tháng nếu tính theo tháng.

Trong thời gian từ ngày 28/8/2022 đến ngày 16/9/2024, việc cho vay lãi nặng của Đỗ Văn Th cụ thể như sau:

1. Giao dịch giữa Đỗ Văn Th và anh Chu Văn H, sinh năm 1992, trú tại thôn Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam vay tiền Đỗ Văn Th 03 lần:

Lần 1: Ngày 28/8/2022, anh Hòa vay Thìn số tiền 15.000.000 đồng, Th tính lãi suất với anh H là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), lãi tính theo tháng, Th yêu cầu H viết giấy vay tiền, anh H đồng ý. Sau đó, Th đã thu của anh H số tiền lãi trong 02 tháng với tổng số tiền là 2.700.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi tối đa trong thời hạn 02 tháng Th được hưởng trong khoản tiền 15.000.000 đồng cho anh H Vay là: (15.000.000 đồng x 60 ngày x 20%) : 365 ngày x 100% = 493.150 đồng, như vậy số tiền Th chiếm hưởng trái phép là: 2.700.000 đồng – 493.150 đồng = 2.206.850 đồng. Tính % gấp số lần là (3.000 đồng x 365 ngày) : 1.000.000 đồng x 100% = 109,5%/năm : 20%/năm = 5,4 lần.

Lần 2: Ngày 09/11/2023, anh H vay Th số tiền 30.000.000 đồng, Th tính lãi suất với anh H là 3.000 đồng / 01 triệu/ 01 ngày, lãi tính theo tháng, Th yêu cầu anh H viết giấy vay tiền, anh H đồng ý. Sau đó, Th đã thu của anh H 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 5.400.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi tối đa trong thời hạn 02 tháng Th được hưởng trong khoản tiền 30.000.000 đồng cho anh Hòa vay là 986.301 đồng. Như vậy, số tiền Th chiếm hưởng trái phép là 5.400.000 đồng – 986.301 đồng = 4.413.699 đồng.

Lần 3: Ngày 28/04/2024, vay số tiền 50.000.000 đồng, Th tính lãi suất với anh H là 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày, lãi tính theo tháng, Th yêu cầu H viết giấy vay tiền, anh H đồng ý. Sau đó, Th đã thu của anh H cùng chị Chu Thị T, sinh năm 2003, trú tại thôn Y, xã Đ, huyện Kim Bảng, là em gái của anh H, 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 22.500.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi tối đa trong thời hạn 5 tháng Th được hưởng trong khoản tiền 50.000.000 đồng cho

anh H vay là 4.109.589 đồng. Như vậy, số tiền Th chiếm hưởng trái phép là 22.500.000 đồng – 4.109.589 đồng = 18.390.411 đồng.

Như vậy, Th đã thu lãi của anh H cùng chị T tổng số tiền là 30.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền là 25.010.960 đồng, thu theo quy định là 5.589.040 đồng. Anh H đã trả cho Đỗ Văn Th số tiền gốc là 45.000.000 đồng, còn nợ Đỗ Văn Th số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

2. Giao dịch giữa Đỗ Văn Th và chị Trương Thị Y, sinh năm 2000, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam vay tiền của Đỗ Văn Th 02 lần:

Lần 1: Ngày 18/05/2024, chị Y vay Thìn số tiền 15.000.000đ, Th tính lãi suất với chị Y là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, lãi tính theo ngày, tháng, Th yêu cầu chị Y viết giấy vay, chị Y đồng ý. Sau đó, Th đã thu của chị Y 03 tháng tiền lãi tổng số tiền là 4.050.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi tối đa trong thời hạn 03 tháng Th được hưởng trong khoản tiền 15.000.000 đồng cho chị Y vay là 739.726 đồng. Như vậy, số tiền Th chiếm hưởng trái phép là 4.050.00 đồng – 739.726 đồng = 3.310.274 đồng.

Tháng 9/2024, do chưa đến ngày thu tiền lãi nên Th chưa thu tiền của chị Y, số tiền lãi Th chưa thu được của chị Y theo thỏa thuận là 1.260.000 đồng (28 ngày, từ ngày 18/8/2024 đến ngày 16/9/2024). Theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi tối đa trong 28 ngày Th được hưởng là 230.136 đồng. Như vậy, số tiền Th nhằm thu lợi bất chính của chị Y là 1.260.000 đồng – 230.136 đồng = 1.029.864 đồng.

Lần 2: Ngày 09/08/2024, chị Y tiếp tục vay Th số tiền 10.000.000 đồng, Thìn tính lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, lãi tính theo tháng, Th yêu cầu chị Y viết giấy vay, chị Y đồng ý. Sau đó, Th đã thu của chị Y 01 tháng tiền lãi là 900.000 đồng. Theo quy định, số tiền lãi tối đa trong 01 tháng Th được hưởng từ khoản tiền 10.000.000 đồng cho chị Y vay là 164.383 đồng. Như vậy, số tiền Th chiếm hưởng trái phép là 900.000 đồng – 164.383 đồng = 735.617 đồng. Ngày 10/9/2024, chị Y đề nghị Th không tính lãi nữa nên Th đã đồng ý không tính tiền lãi đối với chị Y nữa.

Như vậy, Th đã thu lãi của chị Y tổng số tiền là 4.950.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền là 4.045.891 đồng, thu theo quy định là 904.109 đồng, nhằm thu lợi bất chính của chị Yến là 1.029.864 đồng. Chị Y đã trả cho Đỗ Văn Th số tiền gốc là 7.000.000 đồng, còn nợ Đỗ Văn Th số tiền gốc là 18.000.000 đồng.

3. Giao dịch giữa Đỗ Văn Th và anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Y, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Tháng 10/2022, anh Ph vay Th số tiền 10.000.000 đồng, Th tính lãi suất với anh Ph là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, lãi tính theo tháng. Sau đó, Th đã thu của anh Ph 03 tháng tiền lãi là 2.700.000 đồng. Theo quy định, số tiền lãi tối đa Th được hưởng trong khoản tiền 10.000.000 đồng là 493.150 đồng. Như vậy, số tiền Th chiếm hưởng trái phép là 2.700.000 đồng – 493.150 đồng = 2.206.850 đồng. Tháng 01/2023, do anh Ph không còn khả năng trả tiền lãi và đề nghị Th không tính lãi nữa nên Th đã đồng ý không tính tiền lãi đối với anh Ph nữa. Anh Ph còn nợ Đỗ Văn Th số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền Đỗ Văn Th đã cho anh Chu Văn H, chị Trương Thị Y, anh Nguyễn Văn Ph vay là 130.000.000 đồng, với lãi xuất đều là 3.000 đồng/01triệu/01

ngày, tương đương 109,5%/năm/người, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi Th đã thu của anh H, chị Y, anh Ph là 38.250.000 đồng, số tiền lãi Th nhằm thu lợi là 1.029.864 đồng. Theo quy định, tổng số tiền lãi tối đa Th được hưởng là 6.986.299 đồng. Như vậy, Th đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 38.250.000 đồng – 6.986.299 đồng = 31.263.701 đồng, nhằm thu lợi bất chính theo thoả thuận là 1.029.864 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của Đỗ Văn Th: 01 điện thoại di động Iphone Xr màu đen, số IMEI1: 357374094267745, số IMEI2: 357374094079314, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao là 0983.490.106, được niêm phong trong phong bì dán kín, ký hiệu M1; Số tiền 4.000.000 đồng, được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu M2;

- Chị Trương Thị Bảo Y tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 4.000.000 đồng; anh Chu Văn H tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Ph tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 2.000.000 đồng (tất cả số tiền trên là tiền gốc chị Y, anh H, anh Ph vay của Th);

- Phong tỏa tài khoản ngân hàng mở tại ngân hàng Agribank của Đỗ Văn Th, trong đó có số tiền 12.000.000 đồng do chị T chuyển khoản cho Th để trả thay tiền lãi cho anh H.

Đối với các giấy vay tiền giữa Th cùng các bị hại, Th khai hiện không nhớ để ở đâu nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Văn Th, lực lượng Công an không thu giữ tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ án. Tiến hành khai thác chiếc điện thoại di động của Th, phát hiện các tin nhắn trong tài khoản Zalo của Th có nội dung liên quan đến hành vi phạm tội của Th, cơ quan điều tra đã thu thập, trích sao theo trình tự pháp luật quy định.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSKB ngày 04/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Đỗ Văn Th về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ; phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone Xr và số tiền 13.931.506 đồng; buộc bị cáo Th phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 56.054.793 đồng; buộc anh Chu Văn H phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 45.000.000 đồng; buộc anh Nguyễn Văn Ph phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng; buộc chị Trương Thị Bảo Y phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 14.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Th khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Đỗ Văn Th tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 28/8/2022 đến ngày 16/9/2024, tại thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, bị cáo Đỗ Văn Th đã cho anh Chu Văn H, anh Nguyễn Văn Ph và chị Trương Thị Y vay tổng số tiền là 130.000.000 đồng, với lãi suất đều là 3.000 đồng/01triệu đồng/01ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi Th đã thu của anh H, chị Y, anh Ph là 38.250.000 đồng, số tiền lãi Th nhằm thu lợi theo thỏa thuận là 1.260.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự Thìn được hưởng là 6.986.299 đồng, số tiền Th đã thu lợi bất chính là 31.263.701 đồng, nhằm thu lợi bất chính là 1.029.864 đồng. Anh H, chị Y, anh Ph đã trả cho Đỗ Văn Th tổng số tiền vay là 63.000.000 đồng, còn nợ Đỗ Văn Th tổng số tiền vay là 67.000.000 đồng.

Tính chất, mức độ tội phạm bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ph, anh Chu Văn H và chị Trương Thị Y toàn bộ số tiền thu

lợi bất chính; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà đều khai báo thành khẩn nên được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần xử phạt nghiêm minh bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó cũng cần đối trừ với 06 ngày bị cáo đã bị tạm giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[4.2] Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4.3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản riêng, do đó chỉ cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền ở mức phù hợp để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra bị cáo Đỗ Văn Th đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ph số tiền thu lợi bất chính là 2.206.850 đồng, bồi thường cho anh Chu Văn H số tiền thu lợi bất chính là 11.942.467 đồng, bồi thường cho chị Trương Thị Y số tiền thu lợi bất chính là 4.045.891 đồng; chị Chu Thị T đã được cơ quan điều tra trả lại số tiền 13.068.494 đồng. Đến nay anh Ph, anh H, chị Y, chị T không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone Xr là phương tiện bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 13.931.506 đồng, trong đó gồm 4.000.000 đồng của chị Trương Thị Y, 5.000.000 đồng của anh Chu Văn H, 2.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Ph tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra là một phần tiền gốc vay của Đỗ Văn Th và 2.931.506 đồng của chị Chu Thị T giao nộp cho cơ quan điều tra là tiền lãi Th được hưởng theo quy định của pháp luật. Đây là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội và tiền thu từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền gốc Th đã thu từ anh Chu Văn H là 45.000.000 đồng và số tiền gốc Th đã thu từ chị Trương Thị Y là 7.000.000 đồng cùng với số tiền lãi suất cao nhất theo quy định Th được hưởng là 4.054.793 đồng, tổng cộng là 56.054.793 đồng, số tiền này Th đã chi tiêu cá nhân hết, đây là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội và tiền thu từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với số tiền 45.000.000 đồng là tiền gốc anh Chu Văn H còn nợ bị cáo Th, số tiền 8.000.000 đồng là tiền gốc anh Nguyễn Văn Ph còn nợ bị cáo Thìn, số tiền 14.000.000 đồng là tiền gốc chị Trương Thị Y còn nợ bị cáo Th, cơ quan điều tra đã yêu cầu giao nộp lại nhưng đến nay anh H, anh Ph, chị Y chưa giao nộp, đây là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần buộc anh H, anh Ph, chị Y

phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Th phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", được trừ 06 (sáu) ngày đã bị tạm giữ; thời gian cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 12 (mười hai) ngày, tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập để nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo.

Giao bị cáo Đỗ Văn Th cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn Th số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 13.931.506đ (mười ba triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm linh sáu đồng) và 01 chiếc điện thoại Iphone Xr màu đen, cũ đã qua sử dụng. (Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).
- Buộc bị cáo Đỗ Văn Th phải nộp số tiền 56.054.793đ (năm mươi sáu triệu không trăm năm tư nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.
- Buộc anh Chu Văn H phải nộp số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.
- Buộc anh Nguyễn Văn Ph phải nộp số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.
- Buộc chị Trương Thị Y phải nộp số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn Th phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Thạo

[6.1] Quá trình điều tra, Nguyễn Huy Hùng đã tự nguyện giao nộp số tiền 182.900.000 đồng là số tiền lãi Hùng đã thu của chị Hạnh, anh Mạnh, chị Hoa, chị Khanh, chị Nga, chị Dung, anh Hào. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Nga số tiền 36.246.577 đồng, trả cho chị Lê Thị Hồng Hoa số tiền 735.616 đồng là tiền Hùng đã thu lời bất chính của chị Nga và chị Hoa, sau khi nhận lại tiền chị Nga không có yêu cầu đề nghị gì thêm; riêng chị Hoa đề nghị trả lại số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ, đối với số tiền Hùng thu lời bất chính còn lại của chị thì chị không có yêu cầu nhận lại, chị tự nguyện nộp số tiền đó vào ngân sách Nhà nước. Đối với chị Hạnh, anh Mạnh, chị Khanh, chị Dung, anh Hào đều yêu cầu Hùng trả lại số tiền Hùng đã thu lời bất chính, cụ thể: Chị Đỗ Thị Hạnh yêu cầu số tiền 20.712.329 đồng, anh Trần Hùng Mạnh yêu cầu 10.356.166 đồng, chị Trương Thị Khanh yêu cầu 27.959.687 đồng, chị Đặng Thị Kim Dung yêu cầu 17.260.276 đồng, anh Bùi Văn Hào yêu cầu 22.074.887 đồng. Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Hùng đã tự nguyện giao nộp số tiền 145.917.807 đồng là tiền thu lời bất chính để trả lại cho những người có yêu cầu nêu trên cũng như để nộp vào ngân sách Nhà nước, vì vậy cần trả lại số tiền theo yêu cầu như trên của chị Hạnh, anh Mạnh, chị Khanh, chị Dung, anh Hào nhưng sẽ giữ lại để đối trừ với số tiền gốc mà những người này phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 85.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền do chị Lê Thị Hồng Hoa trả cho bị cáo Hùng 80.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 27/6/2022 và số tiền 182.900.000 đồng do bị cáo Hùng tự nguyện giao nộp, tổng cộng là 267.900.000 đồng, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Nga 36.246.577 đồng và trả lại cho chị Lê Thị Hồng Hoa 735.616 đồng là đúng quy định pháp luật; ngoài ra chị Hoa tự nguyện đề nghị nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền còn lại bị Hùng thu lời bất

chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của chị Hoa. Cụ thể số tiền 230.918.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng là tiền Hùng sử dụng vào mục đích phạm tội và 47.554.655 đồng là tiền Hùng thu lời bất chính và tiền chị Hoa không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của chị Hoa là tiền chính đáng không liên quan đến tội phạm và chị Hoa có yêu cầu trả lại nên sẽ trả lại cho chị Hoa; còn lại số tiền 98.363.345 đồng bị cáo Hùng thu lời bất chính được trả lại cho các cá nhân gồm: Chị Đỗ Thị Hạnh 20.712.329 đồng, anh Trần Hùng Mạnh 10.356.166 đồng, chị Trương Thị Khanh 27.959.687 đồng, chị Đặng Thị Kim Dung 17.260.276 đồng, anh Bùi Văn Hào 22.074.887 đồng, nhưng sẽ sung vào ngân sách Nhà nước và sẽ đối trừ vào số tiền gốc vay là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội những người này phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.